

Bản án số: 365/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 26/12/2025.
Về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoạt
Bà Phạm Hồng Gái

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 228/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kiều D**, sinh năm 2003. Địa chỉ: ấp Hòn Sóc, xã HĐ, tỉnh AG (Vắng mặt – Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Trình Mạnh C**, sinh năm 2000. Địa chỉ: ấp Hòn Sóc, xã HĐ, tỉnh AG (Vắng mặt – Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều D trình bày như sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Sau thời gian tự tìm hiểu và yêu thương nhau chị Nguyễn Thị Kiều D và anh Trình Mạnh C được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2022. Sau đó anh chị có thực hiện thủ tục đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thỏ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 25/8/2023. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, những khoảng 01 năm gần đây giữa anh chị bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống,

không có tiếng nói chung, không hòa hợp, từ đó dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất hòa. Mâu thuẫn trầm trọng hơn và không hàn gắn được nên chị Duyên đã sống ly thân với anh Cường cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không hạnh phúc nên chị Nguyễn Thị Kiều D yêu cầu được ly hôn với anh Trinh Mạnh C.

- *Về con chung*: Chị Duyên xác định chị và anh Cường có một người con chung tên Trịnh Gia Hân, sinh ngày 29/3/2020, hiện con chung do chị chăm sóc, ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Cường phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Duyên xác định chị và anh Cường không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*** *Tại bản tự khai đề ngày 25/11/2025 bị đơn anh Trinh Mạnh C trình bày:***
Anh Trinh Mạnh C và chị Duyên tự tìm hiểu, yêu thương sau đó được gia đình 2 bên tổ chức đám cưới vào năm 2022, đến năm 2023 anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 25/8/2023. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng hơn 1 năm gần đây giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên hay cự cãi bất hòa, hiện anh chị đã sống ly thân hơn 1 năm nay. Nay chị Duyên yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý vì không hàn gắn được.

Anh Cường và chị Duyên có một người con chung tên Trịnh Gia Hân, sinh năm 2020. Hiện con đang sống cùng vợ, ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị Duyên tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Kiều D yêu cầu được ly hôn và nuôi con với anh Trinh Mạnh C. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Trinh Mạnh C có nơi cư trú tại ấp Hòn Sóc, xã Hòn Đất, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều D và bị đơn anh Trinh Mạnh C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227,

khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết (HĐXX) định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX có cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị Kiều D và anh Trinh Mạnh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, anh chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2022 nhưng đến năm 2023 anh chị mới thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã Hòn Đất, tỉnh An Giang) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 197, ngày 25/8/2023. Như vậy, hôn nhân giữa chị Duyên và anh Cường là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kiều D về việc yêu cầu được ly hôn với anh Trinh Mạnh C thấy rằng: Trong quá trình chung sống chị Duyên và anh Cường xác nhận giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mặc dù đã có hàn gắn nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không thay đổi nên đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai anh Cường trình bày cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Duyên. Do đó căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều D và anh Trinh Mạnh C.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Kiều D và anh Trinh Mạnh C xác định anh chị có 01 người con chung tên Trinh Gia Hân, sinh ngày 29/3/2020. Ly hôn anh Cường đồng ý giao con chung cho chị Duyên nuôi dưỡng nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của anh Cường, giao cháu Trinh Gia Hân cho chị Duyên trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kiều D đủ điều kiện để nuôi con và không yêu cầu anh Cường phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Kiều D và anh Trinh Mạnh C xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Nguyễn Thị Kiều D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều D và anh Trinh Mạnh C thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Duyên và anh Cường, giao cháu Trinh Gia Hân, ngày 29/3/2020 cho chị Duyên trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Nguyễn Thị Kiều D nuôi con; anh Trinh Mạnh C được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kiều D và anh Trinh Mạnh C xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Kiều D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005157 ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị Nguyễn Thị Kiều D không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 4 – An Giang;
- Phòng THA khu vực 4 – An Giang;
- UBND xã Hòn Đất, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn An